

**DANH SÁCH THIẾT BỊ DỤNG CỤ - CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG D06-01**  
**ĐƠN VỊ: KHOA CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG**

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                       | Tên tài sản/ công cụ                                                                               | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                           |                                                                                                    | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 1   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.TIEMCAN.0001<br>Đến<br>23.TIEMCAN.0010 | Cảm biến tiệm cận, điện, gắn trên thân xilanh 2764815 - FESTO                                      | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 2   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.TIEMCAN.0011<br>Đến<br>23.TIEMCAN.0020 | Cảm biến tiệm cận, điện, gắn trên thân xilanh SMT-8-SL-PS-LED-24-B, 562019 - FESTO                 | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 3   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.CAP0000.0011<br>Đến<br>23.CAP0000.0020 | Cáp cảm biến tiệm cận loại cong (L) (Connecting cables) SIM-M8-3WD-2.5-PU, 159422 - FESTO          | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 4   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.CAP0000.0001<br>Đến<br>23.CAP0000.0010 | Cáp cảm biến tiệm cận loại thẳng (Connecting cables) SIM-M8-3GD-2.5-PU, 159420 - FESTO             | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 5   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.CTHTKN1.0001<br>Đến<br>23.CTHTKN1.0020 | Công tắc hành trình khí nén loại tác động 1 chiều 152867 - FESTO                                   | 20              | 20              |            |                 |                 |            |
| 6   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.CTHTKN2.0001<br>Đến<br>23.CTHTKN2.0010 | Công tắc hành trình khí nén loại tác động 2 chiều 152866 - FESTO                                   | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 7   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.CTPHAI0.0001<br>Đến<br>23.CTPHAI0.0010 | Công tắc hành trình, điện, tác động phải (Limit switch, electrical, right-actuated) 183345 - FESTO | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 8   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.CTTRAI0.0001<br>Đến<br>23.CTTRAI0.0010 | Công tắc hành trình, điện, tác động trái (Limit switch, electrical, left-actuated) 183322 - FESTO  | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 9   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.HOPROLE.0001<br>Đến<br>23.HOPROLE.0010 | Hộp role thời gian, 2 khối (Time relay, two-fold) 162243 - FESTO                                   | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 10  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 15.MAYNEN0.0005<br>Đến<br>15.MAYNEN0.0009 | Máy nén khí chuyên dùng cho đào tạo                                                                | 5               | 5               |            |                 |                 |            |
| 11  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 15.DKHINEN.0011                           | Mô hình thực hành điện khí nén                                                                     | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 12  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 15.PHANMEM.0084                           | Phần mềm Automation Studio khí nén V5.7                                                            | 1               | 1               |            |                 |                 |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                       | Tên tài sản/ công cụ                                                                       | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                           |                                                                                            | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 13  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.VANDIEN.0001 Đến 23.VANDIEN.0010       | Van 5/2 duy trì tác động bằng điện (5/2-way double solenoid valve with LED) 567200 - FESTO | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 14  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.VANKHI0.0001 Đến 23.VANKHI0.0010       | Van 5/2 duy trì tác động bằng khí 576303 - FESTO                                           | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 15  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.VONGLAP.0001 Đến 23.VONGLAP.0010       | Vòng lắp cảm biến tiệm cận gắn trên thân xanh (Mounting kit) SMBR-8-20, 175095 - FESTO     | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 16  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 23.XILANHK.0001 Đến 23.XILANHK.0010       | Xi-lanh tác động kép (Double-acting cylinder) 152888 - FESTO                               | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 17  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 22.CC.BANG000.0057                        | Bảng từ trắng Hàn Quốc 1.2x3.6                                                             |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 18  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 14.CC.KE00000.0062                        | Kệ để dụng cụ C1400 x R500 x D1500                                                         |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 19  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 | 12.CC.BGHSINH.0699 Đến 12.CC.BGHSINH.0706 | Bàn học sinh 2 chỗ                                                                         |                 |                 |            | 8               | 8               |            |
| 20  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Bàn thực hành điện                                                                         |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 21  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Tủ để dụng cụ                                                                              |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 22  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Bàn ghế học sinh 2 chỗ                                                                     |                 |                 |            | 13              | 13              |            |
| 23  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Ghế đầu nhựa                                                                               |                 |                 |            | 10              | 10              |            |
| 24  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Ghế xoay                                                                                   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 25  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Tủ thuốc y tế                                                                              |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 26  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Máy chiếu đa năng Optoma PX390+                                                            |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 27  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Màn chiếu treo 100" (MNS180)                                                               |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 28  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-01 |                                           | Bục giảng (KT: 4200x600x300mm)                                                             |                 |                 |            | 1               | 1               |            |

**DANH SÁCH THIẾT BỊ DỤNG CỤ - CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG D06-02**  
**ĐƠN VỊ: KHOA CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG**

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                             | Tên tài sản/ công cụ                            | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                                 |                                                 | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 1   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 | 13.KNFESTO.0004                                 | Bàn nhôm 2 vị trí thực tập điện khí nén         | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 2   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 | 13.DKHINEN.0007                                 | Bộ thực tập điện khí nén                        | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 3   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 | 23.CC.GHECSAT.0001<br>Đến<br>23.CC.GHECSAT.0040 | Ghế mặt gỗ chân sắt                             |                 |                 |            | 40              | 40              |            |
| 4   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 | 22.CC.BANG000.0058                              | Bảng từ trắng Hàn Quốc 1.2x3.6                  |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 5   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 | 23.CC.BANCMD0.0127<br>Đến<br>23.CC.BANCMD0.0133 | Bàn thực hành điện C0.8 x R0.6 x D1.4           |                 |                 |            | 7               | 7               |            |
| 6   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 | 23.CC.BANGUOL.0001<br>Đến<br>23.CC.BANGUOL.0006 | Bàn nguội EDM C0.75 x R0.6 x D1.4               |                 |                 |            | 6               | 6               |            |
| 7   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 | 14.CC.KE00000.0068                              | Kệ để dụng cụ C1400 x R500 x D1500              |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 8   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 | 07.CC.TU00000.0105                              | Tủ tài liệu CAT 09K3G (Tủ sắt 18 ngăn)          |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 9   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                                                 | Tủ sắt 4 cửa: 2 cửa lửa có kiếng, 2 cửa lửa sắt |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 10  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                                                 | Ghế xoay                                        |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 11  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                                                 | Tủ tài liệu (2 ngăn lửa, 2 ngăn sắt)            |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 12  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                                                 | Kệ thư viện 4 ngăn, 5 tầng                      |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 13  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                                                 | Quạt treo tường ASIA                            |                 |                 |            | 1               | 2               | 1          |
| 14  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                                                 | Bàn học sinh 2 chỗ                              |                 |                 |            | 5               | 5               |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ            | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                     |                                 | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 15  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                     | Kệ V lỗ 2420x1200x500mm, 6 tầng |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 16  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                     | Máy chiếu đa năng Optoma PX390+ |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 17  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                     | Màn chiếu treo 100" (MNS180)    |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 18  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-02 |                     | Bục giảng (KT: 4200x600x300mm)  |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | <b>Bộ thực hành lắp đặt :</b>   |                 |                 |            | <b>5</b>        |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-04 |                     | Động cơ 1 pha                   |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-05 |                     | Động cơ 3 pha 6 đầu dây ra      |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-06 |                     | Bảng điện thực tập              |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-07 |                     | Tủ điện                         |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-08 |                     | MCB 1 pha                       |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-09 |                     | MCB 3 pha                       |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-10 |                     | Cầu chì                         |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-11 |                     | Contactơ                        |                 |                 |            | 4               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-12 |                     | Tép tiếp điểm rời Contactơ      |                 |                 |            | 2               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-13 |                     | Relay nhiệt                     |                 |                 |            | 4               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-14 |                     | Relay trung gian AC + đế        |                 |                 |            | 5               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-15 |                     | Relay trung gian DC + đế        |                 |                 |            | 3               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-16 |                     | Timer ON delay                  |                 |                 |            | 3               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-17 |                     | Timer OFF delay                 |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-18 |                     | Timer 24h                       |                 |                 |            | 1               |                 |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ            | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                     |                                 | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-19 |                     | Công tắc hành trình             |                 |                 |            | 2               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-20 |                     | Nút dừng khẩn cấp               |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-21 |                     | Nút nhấn (màu xanh)             |                 |                 |            | 4               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-22 |                     | Nút nhấn (màu đỏ)               |                 |                 |            | 2               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-23 |                     | Nút nhấn (màu vàng)             |                 |                 |            | 2               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-24 |                     | Công tắc xoay 3 vị trí          |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-25 |                     | Đèn báo pha (màu vàng)          |                 |                 |            | 2               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-26 |                     | Đèn báo pha (màu xanh)          |                 |                 |            | 4               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-27 |                     | Đèn báo pha (màu đỏ)            |                 |                 |            | 2               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-28 |                     | Domino tép                      |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-29 |                     | Domino tép 2 tầng               |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-30 |                     | Domino nắp kính                 |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-31 |                     | Biến dòng                       |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-32 |                     | Biến áp                         |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-33 |                     | Biến trở + Núm vặn volume       |                 |                 |            | 2               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-34 |                     | Đồng hồ đo điện áp AC (Volt kế) |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-35 |                     | Ampere kế                       |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-36 |                     | Voltmeter                       |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-37 |                     | Biến tần                        |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-38 |                     | Bộ khởi động mềm                |                 |                 |            | 1               |                 |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ           | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------|--------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                     |                                | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-39 |                     | Cảm biến điện cảm              |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-40 |                     | Cảm biến điện cảm              |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-41 |                     | Cảm biến điện dung             |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-42 |                     | Cảm biến điện dung             |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-43 |                     | Cảm biến áp suất               |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-44 |                     | Bộ hiển thị điều khiển áp suất |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-45 |                     | <b>Bộ dụng cụ:</b>             |                 |                 |            | <b>5</b>        |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-46 |                     | Hộp đồ nghề                    |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-47 |                     | Tua vít dẹp lớn                |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-48 |                     | Tua vít dẹp nhỏ                |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-49 |                     | Tua vít bake lớn               |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-50 |                     | Tua vít bake nhỏ               |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-51 |                     | Kìm cắt                        |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-52 |                     | Kìm tuốt dây                   |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-53 |                     | Kìm mỏ vịt                     |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-54 |                     | Kìm bấm cos U                  |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-55 |                     | Kìm bấm cos pin                |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-56 |                     | Thuốc cuộn                     |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-57 |                     | Bút thử điện                   |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-58 |                     | Bút thử dòng rò                |                 |                 |            | 1               |                 |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ    | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------|-------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                     |                         | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-59 |                     | Kéo                     |                 |                 |            | 1               |                 |            |
|     | Phòng TH K.CNTĐ - D06-60 |                     | Đồng hồ VOM chỉ thị kim |                 |                 |            | 1               |                 |            |

**DANH SÁCH THIẾT BỊ DỤNG CỤ - CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG D06-03**  
**ĐƠN VỊ: KHOA CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG**

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                             | Tên tài sản/ công cụ                                              | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                                 |                                                                   | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 1   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 13.DKHINEN.0008                                 | Bộ thực tập điện khí nén                                          | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 2   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 13.KNFESTO.0005                                 | Bàn nhôm 2 vị trí thực tập điện khí nén                           | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 3   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 23.BIENTAN.0001<br>Đến<br>23.BIENTAN.0006       | Biến tần Siemens SINAMIC V20 6SL3210-5BB17-5UV1                   | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 4   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 23.BDAUKEP.0001                                 | Bộ đầu kẹp mũi khoan xoắn 16mm JT16 kèm chuỗi côn MT2 MT3 MT4 MT5 | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 5   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 23.DKSERVO.0001<br>Đến<br>23.DKSERVO.0006       | Bộ điều khiển Servo Servo MR-J4-10A + Động cơ HF-KR13             | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 6   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 14.MAKHOAN.0011                                 | Máy khoan cần. Hãng SX: KTK                                       | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 7   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 14.MAYTIEN.0046                                 | Máy tiện khoan mini. Hãng Cogentech                               | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 8   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 23.CC.GHECSAT.0041<br>Đến<br>23.CC.GHECSAT.0061 | Ghế mặt gỗ chân sắt                                               |                 |                 |            | 21              | 37              | 16         |
| 9   | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 22.CC.BANG000.0059                              | Bảng từ trắng Hàn Quốc 1.2x3.6                                    |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 10  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 23.CC.BANGUOI.0007<br>Đến<br>23.CC.BANGUOI.0010 | Bàn nguội EDM C0.75 x R0.6 x D1.4                                 |                 |                 |            | 4               | 4               |            |
| 11  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 14.CC.BANGUOI.0001<br>Đến<br>14.CC.BANGUOI.0006 | Bàn nguội                                                         |                 |                 |            | 6               | 6               |            |
| 12  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 14.CC.KE00000.0067                              | Kệ để dụng cụ C1400 x R500 x D1500                                |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 13  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 14.CC.MAKHOAN.0004                              | Máy khoan tay GBM 10 RE - Bosch                                   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 14  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 21.CC.BANCMD0.0123<br>Đến<br>21.CC.BANCMD0.0123 | Bàn thực hành R0.6 x D1.2 x C0.75                                 |                 |                 |            | 4               | 4               |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ                                                                       | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                     |                                                                                            | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 15  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 14.CC.MAYMAI0.0006  | Máy mài 2 đá (1.5HP) Tiến Đạt                                                              |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 16  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 | 07.CC.KE00000.0037  | Kệ thư viện (5 ngăn, 6 tầng)<br>0.43x0.93x2.0 (Kệ thư viện 5 ngăn 6 tầng<br>0.43x0.93x2.0) |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 17  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Ghế đầu chân sắt mặt ván ép                                                                |                 |                 |            | 6               | 6               |            |
| 18  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Tủ tài liệu (2 ngăn lửa, 2 ngăn sắt)                                                       |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 19  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Quạt treo tường vina                                                                       |                 |                 |            | 1               | 2               | 1          |
| 20  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Kệ V lỗ 2420x1200x500mm, 6 tầng                                                            |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 21  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Máy chiếu đa năng Optoma PX390+                                                            |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 22  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Màn chiếu treo 100" (MNS180)                                                               |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 23  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Bục giảng (KT: 4200x600x300mm)                                                             |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 24  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Biến tần Siemens SINAMIC V20<br>6SL3210-5BB17-5UV1                                         |                 |                 |            | 0               | 4               | 4          |
| 25  | Phòng TH K.CNTĐ - D06-03 |                     | Bộ điều khiển Servo Servo MR-J4-10A +<br>Động cơ HF-KR13                                   |                 |                 |            | 0               | 4               | 4          |
| 26  |                          |                     | Mô hình điều khiển các loại động cơ                                                        |                 |                 |            |                 |                 |            |

**DANH SÁCH THIẾT BỊ DỤNG CỤ - CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG D07-01**  
**ĐƠN VỊ: KHOA CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG**

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                          | Tên tài sản/ công cụ                           | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                              |                                                | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 1   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.TNCBCLA.0001 ĐẾN<br>12.TNCBCLA.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến chất lỏng, áp suất | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 2   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.TNCBDC0.0001 ĐẾN<br>12.TNCBDC0.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến điện cảm           | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 3   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.TNCBDD0.0001 ĐẾN<br>12.TNCBDD0.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến điện dung          | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 4   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.TNCBDA0.0001 ĐẾN<br>12.TNCBDA0.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến độ ẩm              | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 5   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.TNCBHN0.0001 ĐẾN<br>12.TNCBHN0.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến hồng ngoại         | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 6   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.TNCBKL0.0001 ĐẾN<br>12.TNCBKL0.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến khối lượng         | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 7   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.MHTNCBM.0001 ĐẾN<br>12.MHTNCBM.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến màu                | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 8   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.MHTNCBN.0001 ĐẾN<br>12.MHTNCBN.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến nhiệt              | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 9   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.MHTNCBQ.0001 ĐẾN<br>12.MHTNCBQ.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến quang              | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 10  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.TNCBVT0.0001 ĐẾN<br>12.TNCBVT0.0006       | Mô hình thí nghiệm cảm biến vận tốc            | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 11  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 22.CC.BANG000.0060                           | Bảng từ trắng Hàn Quốc 1.2x3.6                 |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 12  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 14.CC.KE00000.0063                           | Kệ để dụng cụ C1400 x R500 x D1500             |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 13  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 12.CC.BGHSINH.0707 Đến<br>12.CC.BGHSINH.0718 | Bàn học sinh 2 chỗ                             |                 |                 |            | 12              | 12              |            |
| 14  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 | 22.CC.BANLV00.0087                           | Bàn làm việc (Bàn văn phòng), KT 1200x600x750  |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 15  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                                              | Máy chiếu đa năng Optoma PX390+                |                 |                 |            | 1               | 1               |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ                                             | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                     |                                                                  | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 16  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Bàn thí nghiệm (Gồm: Module nguồn, Module relay, dây thí nghiệm) |                 |                 |            | 11              | 11              |            |
| 17  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Ghế đầu nhựa                                                     |                 |                 |            | 13              | 13              |            |
| 18  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Bàn học sinh 2 chỗ                                               |                 |                 |            | 8               | 8               |            |
| 19  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Bàn thực hành điện                                               |                 |                 |            | 3               | 3               |            |
| 20  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Tủ để dụng cụ                                                    |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 21  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Tủ thuốc y tế                                                    |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 22  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Quạt treo tường                                                  |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 23  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Kệ V lỗ 2420x1200x500mm, 6 tầng                                  |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 24  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Màn chiếu treo 100" (MNS180)                                     |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 25  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-01 |                     | Bục giảng (KT: 4200x600x300mm)                                   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |

**DANH SÁCH THIẾT BỊ DỤNG CỤ - CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG D07-02**  
**ĐƠN VỊ: KHOA CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG**

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                                                             | Tên tài sản/ công cụ                                                                                                 | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                                                                 |                                                                                                                      | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 1   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.PHANMEM.0086                                                                 | Bộ phần mềm Cơ - Điện tử Ciroc                                                                                       | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 2   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.PHANMEM.0087                                                                 | Bộ phần mềm kỹ thuật người máy Ciroc                                                                                 | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 3   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.PHANMEM.0088                                                                 | Bộ phần mềm Tia Portal V12 6ES7822-1AA01-4YA5                                                                        | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 4   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.PHANMEM.0089                                                                 | Phần mềm lập trình GX Trainer package                                                                                | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 5   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.CSIEUAM.0001<br>23.CSIEUAM.0002                                              | Cảm biến siêu âm ngõ ra analog 0-10V, XX918A3F1M12                                                                   | 2               | 2               |            |                 |                 |            |
| 6   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.CSIEUAM.0003<br>23.CSIEUAM.0004                                              | Cảm biến siêu âm ngõ ra analog 4-20mA, XX918A3C2M12                                                                  | 2               | 2               |            |                 |                 |            |
| 7   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.PNTCODT.0001                                                                 | Hệ thống PTN Cơ - Điện tử MPS 210                                                                                    | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 8   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.KITPLC0.0001<br>15.KITPLC0.0010                                              | Kit thực hành PLC kết hợp MPS plus programming tool                                                                  | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 9   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.MAYNEN0.0010                                                                 | Máy nén khí chuyên dùng cho đào tạo                                                                                  | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 10  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.MAYTINH.1430<br>15.MAYTINH.1431<br>Đến<br>15.MAYTINH.1443<br>15.MAYTINH.1574 | Máy tính để bàn HP Pro 3330 MT i3 - 3320/2GB/500GB/Keyboard/Mouse/DVD-ROM/Màn hình HP LV 1911.18.5" LED              | 15              | 15              |            |                 |                 |            |
| 11  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.BANGTAI.0001                                                                 | Mô hình hệ thống băng tải có kết hợp phân loại sản phẩm CITA TDHP10                                                  | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 12  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.CBQUANG.0001                                                                 | Module Cảm biến quang tín hiệu tương tự kèm phụ kiện lắp đặt trên MPS - FESTO, Order: 541120 SOEG-RTD-Q20-PP-S-2L-TI | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 13  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.MULTIPL.0001                                                                 | Multi-pin plug distributor MPV-E/A08-M8 FESTO                                                                        | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 14  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 13.PHANMEM.0076                                                                 | Phần mềm bấm giờ hiển thị trên máy tính                                                                              | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 15  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.IOT2050.0001<br>Đến<br>23.IOT2050.0006                                       | Siemens IOT2050 6ES7647-0BA00-0YA2                                                                                   | 6               | 6               |            |                 |                 |            |
| 16  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.SS71500.0001                                                                 | Siemens S7-1500 - CPU 1511C-1 PN, 6ES7511-1CK01-0AB0                                                                 | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 17  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.CC.GHECSAT.0062<br>Đến<br>23.CC.GHECSAT.0085                                 | Ghế mặt gỗ chân sắt                                                                                                  |                 |                 |            | 24              | 18              | 6          |
| 18  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 22.CC.BANG000.0061                                                              | Bảng từ trắng Hàn Quốc 1.2x3.6                                                                                       |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 19  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 23.CC.BANCMD0.0134<br>Đến<br>23.CC.BANCMD0.0143                                 | Bàn thực hành điện C0.8 x R0.6 x D1.4                                                                                |                 |                 |            | 10              | 10              |            |
| 20  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 15.CC.MPDENGT.0001<br>Đến<br>15.CC.MPDENGT.0010                                 | Bộ thực hành mô phỏng hệ thống đèn tín hiệu giao thông                                                               |                 |                 |            | 10              | 10              |            |
| 21  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 14.CC.KE00000.0066                                                              | Kệ để dụng cụ C1400 x R500 x D1500                                                                                   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 22  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 | 14.CC.BGHSINH.0597                                                              | Bàn thực hành điện(Bàn thực tập cơ điện từ C800 x R600 x D1400)                                                      |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 23  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                                                                                 | Tủ thuốc y tế                                                                                                        |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 24  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                                                                                 | Bàn thực hành điện                                                                                                   |                 |                 |            | 16              | 16              |            |
| 25  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                                                                                 | Tủ để hồ sơ                                                                                                          |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 26  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                                                                                 | Ghế mặt gỗ chân sắt                                                                                                  |                 |                 |            | 33              | 33              |            |
| 27  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                                                                                 | Quạt treo tường misa                                                                                                 |                 |                 |            | 1               | 2               |            |
| 28  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                                                                                 | Kệ V lỗ 2420x1200x500mm, 6 tầng                                                                                      |                 |                 |            | 1               | 1               |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ            | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                     |                                 | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 29  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                     | Máy chiếu đa năng Optoma PX390+ |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 30  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                     | Màn chiếu treo 100" (MNS180)    |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 31  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-02 |                     | Bục giảng (KT: 4200x600x300mm)  |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 32  |                          |                     | Mô hình thực hành IOT           | 5               |                 |            |                 |                 |            |
| 33  |                          |                     | Mô hình thực hành SCADA         | 5               |                 |            |                 |                 |            |

**DANH SÁCH THIẾT BỊ DỤNG CỤ - CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG D07-03**  
**ĐƠN VỊ: KHOA CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG**

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                             | Tên tài sản/ công cụ                                                                                    | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                                 |                                                                                                         | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 1   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 13.KNFESTO.0004<br>Đến<br>13.KNFESTO.0005       | Bàn nhôm 2 vị trí thực tập điện khí nén                                                                 | 2               | 2               |            |                 |                 |            |
| 2   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 15.ROBOTHT.0001<br>Đến<br>15.ROBOTHT.0010       | Bộ thực hành Robot hoàn thiện                                                                           | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 3   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 15.ROBOTNC.0001<br>15.ROBOTNC.0002              | Bộ thực hành Robot nâng cao                                                                             | 2               | 2               |            |                 |                 |            |
| 4   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 15.ROBOTCB.0001<br>Đến<br>15.ROBOTCB.0010       | Bộ thực hành Robot nhập môn cơ bản                                                                      | 10              | 10              |            |                 |                 |            |
| 5   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 13.DKHINEN.0009<br>13.DKHINEN.0010              | Bộ thực tập điện khí nén                                                                                | 2               | 2               |            |                 |                 |            |
| 6   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 13.HTSTDXE.0001                                 | Hệ thống sân thi đấu xe dò line                                                                         | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 7   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 15.MAYTINH.1409<br>Đến<br>15.MAYTINH.1429       | Máy tính để bàn HP Pro 3330 MT i3 - 3320/2GB/500GB/Keyboard/Mouse/DVD-ROM/Màn hình HP LV 1911.18.5" LED | 21              | 21              |            |                 |                 |            |
| 8   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 11.ROBOTIS.0001 ĐẾN<br>11.ROBOTIS.0003          | TB thực hành Robotis Bioloid Premium Kit                                                                | 3               | 3               |            |                 |                 |            |
| 9   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 23.CC.GHECSAT.0086<br>Đến<br>23.CC.GHECSAT.0105 | Ghế mặt gỗ chân sắt                                                                                     |                 |                 |            | 21              | 21              |            |
| 10  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 22.CC.BANG000.0062                              | Bảng từ trắng Hàn Quốc 1.2x3.6                                                                          |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 11  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 23.CC.BANCMD0.0144<br>Đến<br>23.CC.BANCMD0.0149 | Bàn thực hành điện C0.8 x R0.6 x D1.4                                                                   |                 |                 |            | 5               | 5               |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ                                              | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                     |                                                                   | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 12  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 | 14.CC.KE00000.0065  | Kệ để dụng cụ C1400 x R500 x D1500                                |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 13  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Tủ thuốc y tế                                                     |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 14  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Bàn thực hành điện                                                |                 |                 |            | 22              | 22              |            |
| 15  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Kit thực hành robot BIOLOID đơn giản (BIOLOID Beginner Robot Kit) |                 |                 |            | 5               | 5               |            |
| 16  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Tủ để dụng cụ                                                     |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 17  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Ghế mặt gỗ chân sắt                                               |                 |                 |            | 32              | 32              |            |
| 18  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Quạt treo tường vina                                              |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 19  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Kệ V lỗ 2420x1200x500mm, 6 tầng                                   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 20  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Máy chiếu đa năng Optoma PX390+                                   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 21  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Màn chiếu treo 100" (MNS180)                                      |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 22  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-03 |                     | Bục giảng (KT: 4200x600x300mm)                                    |                 |                 |            | 1               | 1               |            |

**DANH SÁCH THIẾT BỊ DỤNG CỤ - CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG D07-04**  
**ĐƠN VỊ: KHOA CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG**

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                                   | Tên tài sản/ công cụ                                                                                     | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                                       |                                                                                                          | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 1   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 23.KITVIDK.0001<br>Đến<br>23.KITVIDK.0030             | KIT thực hành vi điều khiển CITA DTVT01                                                                  | 30              | 30              |            |                 |                 |            |
| 2   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 14.DAODOKY.0020<br>Đến<br>14.DAODOKY.0023             | Máy Oscilloscope kỹ thuật số 50MHz. Hãng SX: Rigol                                                       | 4               | 4               |            |                 |                 |            |
| 3   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 15.MAYTINH.1384<br>Đến<br>15.MAYTINH.1408             | Máy tính để bàn HP Pro 3330 MT i3 - 3320/2GB/500GB/Keyboard/Mouse/DV D-ROM/Màn hình HP LV 1911.18.5" LED | 25              | 26              | 1          |                 |                 |            |
| 4   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 14.NDANANG.0001<br>Đến<br>14.NDANANG.0004             | Nguồn đa năng. Hãng SX: Pinterk                                                                          | 4               | 4               |            |                 |                 |            |
| 5   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 15.PHANMEM.0085                                       | Phần mềm lập trình Flowcode                                                                              | 1               | 1               |            |                 |                 |            |
| 6   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 23.MAYLANH.0154<br>23.MAYLANH.0155<br>23.MAYLANH.0156 | Máy lạnh treo tường inverter 2HP, LG, Model: V18WIN, Nước SX: Thái Lan.                                  | 3               | 3               |            |                 |                 |            |
| 7   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 23.CC.GHECSAT.0106<br>Đến<br>23.CC.GHECSAT.0125       | Ghế mặt gỗ chân sắt                                                                                      |                 |                 |            | 20              | 20              |            |
| 8   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 22.CC.BANG000.0063                                    | Bảng từ trắng Hàn Quốc 1.2x3.6                                                                           |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 9   | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 15.CC.KITTHUCH.0011<br>Đến<br>15.CC.KITTHUCH.0030     | Kit thực hành mô phỏng vi điều khiển với PIC 18 F4520                                                    |                 |                 |            | 20              | 20              |            |
| 10  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 14.CC.MPHXUNG.0001<br>Đến<br>14.CC.MPHXUNG.0004       | Máy phát xung đa năng 10MHZ. Hãng SX: Pinterk                                                            |                 |                 |            | 4               | 4               |            |
| 11  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 14.CC.BGHSINH.0597<br>ĐẾN<br>14.CC.BGHSINH.0622       | Bàn thực hành điện(Bàn thực tập cơ điện tử C800 x R600 x D1400)                                          |                 |                 |            | 25              | 31              | 6          |
| 12  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 14.CC.KE00000.0064                                    | Kệ để dụng cụ C1400 x R500 x D1500                                                                       |                 |                 |            | 1               | 1               |            |

| STT | Tên đơn vị               | Mã tài sản/ công cụ                             | Tên tài sản/ công cụ             | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                          |                                                 |                                  | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 13  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 14.CC.ETO0000.0016<br>Đến<br>14.CC.ETO0000.0023 | Êtô nguội                        |                 |                 |            | 8               | 8               |            |
| 14  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 14.CC.MAYKHO0.0001<br>Đến<br>14.CC.MAYKHO0.0004 | Máy khô hơi + hàn                |                 |                 |            | 4               | 4               |            |
| 15  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 | 14.CC.VOMHISO.0001<br>Đến<br>14.CC.VOMHISO.0002 | Đồng hồ VOM                      |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 16  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 |                                                 | Tủ thuốc y tế                    |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 17  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 |                                                 | Tủ để dụng cụ                    |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 18  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 |                                                 | Ghế mặt gỗ chân sắt              |                 |                 |            | 41              | 33              | 8          |
| 19  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 |                                                 | Kệ V lỗ 2420x1200x500mm, 6 tầng  |                 |                 |            | 6               | 6               |            |
| 20  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 |                                                 | Quạt treo tường Senko            |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 21  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 |                                                 | Máy chiếu đa năng Optoma PX390+  |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 22  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 |                                                 | Màn chiếu treo 100" (MNS180)     |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 23  | Phòng TH K.CNTĐ - D07-04 |                                                 | Bục giảng (KT: 4200x600x300mm)   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 24  |                          |                                                 | Bộ thực hành PLC Mitsubishi FX3U | 10              |                 |            |                 |                 |            |

**DANH SÁCH THIẾT BỊ DỤNG CỤ - CƠ SỞ VẬT CHẤT PHÒNG D07-05**  
**ĐƠN VỊ: KHOA CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG**

| STT | Tên đơn vị                   | Mã tài sản/ công cụ                                                   | Tên tài sản/ công cụ                                                    | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                              |                                                                       |                                                                         | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 1   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 13.MAYTINH.1312<br>13.MAYTINH.1313                                    | Máy tính để bàn HP Compaq Pro 6300 MT                                   | 2               | 2               |            |                 |                 |            |
| 2   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 23.MAYLANH.0157<br>Đến<br>23.MAYLANH.0158                             | Máy lạnh treo tường inverter 2HP, LG, Model: V18WIN, Nước SX: Thái Lan. | 2               | 2               |            |                 |                 |            |
| 3   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 07.CC.BLVIEC0.0081                                                    | Bàn giáo viên SVS1200                                                   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 4   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 09.CC.BLVIEC0.0128<br>10.CC.BLVIEC0.0142                              | Bàn làm việc LC 1200                                                    |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 5   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 19.CC.GHE0000.1007<br>19.CC.GHE0000.1008                              | Ghế xếp G08                                                             |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 6   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 17.CC.BANGTU0.0038                                                    | Bảng từ trắng Hàn Quốc 1.2x3.6                                          |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 7   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 22.CC.GHEVP00.0249<br>Đến<br>22.CC.GHEVP00.0271                       | Ghế làm việc, KT 400x400x450/1050mm                                     |                 |                 |            | 23              | 23              |            |
| 8   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 22.CC.BANHOP0.0020                                                    | Bàn họp KT 2500x1200x750                                                |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 9   | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 | 22.CC.BANLV00.0067<br>22.CC.BANLV00.0114<br>Đến<br>22.CC.BANLV00.0116 | Bàn làm việc (Bàn văn phòng), KT 1200x600x750                           |                 |                 |            | 4               | 4               |            |
| 10  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                                                                       | Bàn làm việc                                                            |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 11  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                                                                       | Tủ 2 cửa lùa                                                            |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 12  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                                                                       | Máy in HP 1212                                                          |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 13  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                                                                       | Bàn 2 chỗ                                                               |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 14  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                                                                       | Bàn để máy tính                                                         |                 |                 |            | 2               | 2               |            |

| STT | Tên đơn vị                   | Mã tài sản/ công cụ | Tên tài sản/ công cụ                          | Tài sản         |                 |            | Công cụ dụng cụ |                 |            |
|-----|------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------|-----------------|-----------------|------------|
|     |                              |                     |                                               | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch | SL theo sổ sách | SL theo kiểm kê | Chênh lệch |
| 15  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Bảng từ trắng HQ, nhôm bo                     |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 16  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Ghế đầu nhựa                                  |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 17  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Bàn vi tính 1 chỗ                             |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 18  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Tủ 4 ngăn                                     |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 19  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Ghế xoay                                      |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 20  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Máy tính bộ                                   |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 21  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Bàn làm việc SV 1400                          |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 22  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Điện thoại Sangoma                            |                 |                 |            | 2               | 2               |            |
| 23  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Máy tính HP S5280/E6500-2.93G, HP17"          |                 |                 |            | 1               | 1               |            |
| 24  | Văn phòng Khoa CNTT - D07-05 |                     | Máy tính E5500, 2,8G, LCD17" LG (Máy vi tính) |                 |                 |            | 1               | 1               |            |